

Số: 202 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Hành động về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2030

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 3529/QĐ-BCT ngày 30/12/2020 của Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững (SX&TDBV) giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2030 như sau:

I. Mục tiêu Kế hoạch

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy quản lý, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên vật liệu trong sản xuất và tiêu dùng, khuyến khích phát triển và sử dụng các nguồn tài nguyên, thiên nhiên vật liệu có thể tái tạo, tái sử dụng và tái chế; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, phát triển và phổ biến các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, đẩy mạnh sản xuất và tiêu

dùng nội địa, tạo công ăn việc làm ổn định, việc làm xanh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, thúc đẩy lối sống bền vững, hướng đến phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2030, việc áp dụng SX&TDBV trong công nghiệp của tỉnh Đồng Nai đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

- Giai đoạn 2022-2025:

+ Giảm (5-8)% mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất, cụ thể dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy và chế biến thủy hải sản;

+ 70% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ Xây dựng, áp dụng 20 đến 30 mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ 80% huyện, thành phố trực thuộc tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững;

+ 85% các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy; xây dựng, thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng bền vững; khuyến khích phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường, được dán nhãn sinh thái tại các siêu thị, trung tâm thương mại;

+ Khuyến khích lồng ghép nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chương trình đào tạo, giảng dạy tại các cấp đào tạo.

- Đến năm 2030:

+ Giảm (7-10)% mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất, cụ thể dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy và chế biến thủy hải sản.

+ 100% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ 100% huyện, thành phố trực thuộc tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững.

+ 100% các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy; xây dựng, thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng bền vững; khuyến khích phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường, được dán nhãn sinh thái tại các siêu thị, trung tâm thương mại.

II. Nội dung thực hiện

1. Hoàn thiện chính sách pháp luật thúc đẩy SX&TDBV

a) Áp dụng các quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn về nhãn sinh thái gồm nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn các bon, nhãn tái chế và các nhãn sinh thái khác; các quy định, hướng dẫn về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng; chuẩn hóa các tiêu chuẩn ghép nối cho sản phẩm, dịch vụ nhằm tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu chất thải trong sản xuất và tiêu dùng.

b) Triển khai các công cụ chính sách khuyến khích phát triển ngành công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế chất thải; các chính sách thúc đẩy đầu tư, sản xuất, phân phối, xuất nhập khẩu sản phẩm, công nghệ thân thiện môi trường; các chính sách phát triển các lĩnh vực thương mại quốc tế và phát triển bền vững phù hợp với các lộ trình hội nhập và cam kết quốc tế, thực hiện các hiệp định thương mại song phương và đa phương.

c) Ban hành các quy định, quy chế nhằm thúc đẩy việc áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả;

d) Lồng ghép nội dung sản xuất và tiêu dùng bền vững vào chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp; chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, phát triển nhiên liệu, nguyên liệu có thể tái tạo, tái sinh

a) Triển khai, hướng dẫn kỹ thuật và áp dụng các phương pháp, công nghệ kỹ thuật tốt nhất hiện có, thực hành môi trường tốt nhất nhằm khai thác hợp lý và giảm tổn thất tài nguyên trong các ngành công nghiệp;

b) Xây dựng, áp dụng và phổ biến các mô hình thu hồi, tái sử dụng và tái chế chất thải, các mô hình quản lý tổng hợp khai thác, chế biến và chế tạo, sản xuất và sử dụng bền vững tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và năng lượng tái tạo cho các ngành công nghiệp.

3. Thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng

a) Xây dựng, hướng dẫn đào tạo, phổ biến và nhân rộng các mô hình, thực hiện tốt về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng các sản phẩm dệt may, thủ công mỹ nghệ, bao bì, gia dụng và các sản phẩm có tiềm năng.

b) Tổ chức cuộc thi và trao giải thưởng về các sáng kiến tốt, giới thiệu các sản phẩm được thiết kế có tính sáng tạo và bền vững đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

4. Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình, liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm

a) Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, hướng dẫn thực hiện kiểm toán về hiệu quả sử dụng nhiên liệu, nguyên vật liệu; áp dụng, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn cho các cơ sở trong các ngành dệt may, thép, giấy, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, điện tử, chế biến thực phẩm và ngành kinh tế khác;

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững; phát triển mạng lưới liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm; xây dựng, phổ biến và nhân rộng các mô hình đổi mới sinh thái trong các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát, da giày, bao bì và các ngành kinh tế khác; xây dựng các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về quản lý tốt vòng đời sản phẩm, các sản phẩm hóa chất theo các cam kết và thông lệ quốc tế;

c) Xây dựng, áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng sinh công nghiệp; mô hình khu, cụm công nghiệp, làng nghề sinh thái và bền vững; phát triển mạng lưới liên kết bền vững giữa sản xuất tiểu thủ công nghiệp và sản xuất công nghiệp;

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực nhằm thực hiện các yêu cầu, quy định kỹ thuật về môi trường và phát triển bền vững của các bên liên quan trong chuỗi; xây dựng các tài liệu hướng dẫn, đào tạo, hỗ trợ triển khai và nhân rộng các mô hình về chuỗi cung ứng sản phẩm bền vững, chuỗi cung ứng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm; các mô hình nông nghiệp hữu cơ, mô hình nuôi trồng bền vững;

đ) Hỗ trợ xây dựng và áp dụng phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về sản xuất sạch hơn, các mô hình về quản lý và sử dụng nước hiệu quả; các mô hình về giảm thiểu, thu hồi, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải; các mô hình kinh tế tuần hoàn tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

5. Phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuất nhập khẩu bền vững

a) Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần phân phối xanh, bền vững bao gồm các trung tâm hậu cần xanh, hệ thống kho vận, giao nhận hàng hóa xanh, thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học sạch, thân thiện môi trường trong các hoạt động phân phối, vận chuyển hàng hóa;

b) Khuyến khích sản xuất và sử dụng phương tiện vận tải thân thiện môi trường, ít phát thải khí nhà kính; xây dựng và triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển và nâng cao thị phần vận tải hành khách công cộng tại các đô thị, thị phần vận tải hàng hóa bằng đường thủy, vận tải ven biển và đường sắt; triển khai ứng dụng công nghệ xử lý khí thải, công nghệ mới, năng lượng thay thế nhiên liệu truyền thống, chuyển đổi sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường trong lĩnh vực giao thông vận tải, ưu tiên trong vận tải công cộng;

c) Hỗ trợ hình hành các trung tâm dịch vụ sửa chữa, bảo hành, phục hồi, thu hồi các sản phẩm sau sử dụng; thí điểm áp dụng mô hình cho thuê sản phẩm, thiết bị theo mô hình kinh tế chia sẻ với các hoạt động từ sản xuất, phân phối, cho thuê, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, phục hồi và thu hồi xử lý do nhà sản xuất cung cấp;

d) Xây dựng, tổ chức mạng lưới liên kết bền vững giữa các cơ sở phân phối, bán lẻ với các nhà cung ứng về nguyên liệu, hàng hóa và sản phẩm thân thiện môi trường; thiết kế hình thành khu vực, gian hàng xanh trưng bày các sản phẩm thân thiện môi trường; thúc đẩy phân phối và tiêu dùng bền vững đối với

sản phẩm thân thiện môi trường được sản xuất trong nước; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy tại các chợ dân sinh, siêu thị và trung tâm thương mại, các trung tâm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp;

d) Xây dựng tiêu chí, hướng dẫn thực hiện chứng nhận doanh nghiệp, cơ sở phân phối bền vững; chứng nhận và dán nhãn công trình thương mại xanh; cung cấp hỗ trợ thông tin nhận diện đối với các hệ thống, kênh phân phối xanh và bền vững;

e) Hướng dẫn, triển khai áp dụng các mô hình sử dụng các nguyên vật liệu, sản phẩm thân thiện môi trường; giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng chất thải; áp dụng các giải pháp thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả tại các trung tâm thương mại và siêu thị, các cơ sở và trung tâm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp;

g) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động xuất nhập khẩu bền vững, tuyên truyền các tài liệu hướng dẫn doanh nghiệp về các yêu cầu, quy định, cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường.

6. Thúc đẩy dán nhãn và chứng nhận nhãn sinh thái

a) Xây dựng, vận hành hệ thống chứng nhận và dán nhãn sinh thái gồm nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn các bon, nhãn tái chế và các nhãn sinh thái khác;

b) Xây dựng và áp dụng các phương pháp luận, công cụ đánh giá, tính toán phát thải theo vòng đời sản phẩm, các công cụ tính toán suất tiêu hao nhiên liệu, nguyên vật liệu;

c) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn, đào tạo phổ biến về nhãn sinh thái; các quy định, yêu cầu về nhãn sinh thái của các thị trường xuất khẩu của Việt Nam; tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao năng lực về nhãn sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng;

d) Xây dựng, áp dụng và vận hành hệ thống chứng nhận nhãn du lịch bền vững, nhãn xanh cho cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; nhãn xanh đối với các công trình xây dựng, các cơ sở và trung tâm thương mại.

7. Đẩy mạnh phát triển thị trường bền vững, cung cấp thông tin cho người tiêu dùng

a) Xây dựng tài liệu, hướng dẫn áp dụng và phổ biến các thực hành tốt về tiếp cận và phát triển thị trường bền vững; hướng dẫn phổ biến về tiêu dùng bền vững đối với các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường;

b) Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái trong các hội chợ đa ngành và chuyên ngành;

c) Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập các báo cáo về phát triển bền vững phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định tại Việt Nam, cung cấp thông tin về sản xuất kinh doanh bền vững cho người tiêu dùng.

8. Đẩy mạnh mua sắm bền vững

a) Xây dựng tài liệu, hướng dẫn phổ biến áp dụng về mua sắm bền vững đối với các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường phù hợp quy định trong nước và quốc tế;

b) Hướng dẫn, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về mua sắm công xanh.

9. Nâng cao năng lực, tăng cường giáo dục và thực hành lối sống bền vững

a) Xây dựng và thực hành các mô hình về lối sống bền vững, hướng dẫn thực hành tốt về lối sống bền vững; tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng, tổ chức triển khai các mô hình, các thực hành tốt về du lịch bền vững, lồng ghép quảng bá và giới thiệu các sản phẩm truyền thống, thân thiện môi trường;

c) Xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến trong nước và quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững; lồng ghép các nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong các chương trình giảng dạy, đào tạo tại các cấp học;

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan;

e) Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực về xây dựng và triển khai các công cụ, chính sách sản xuất và tiêu dùng bền vững; lồng ghép và gắn kết nội dung trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện có của các bộ, ngành, địa phương.

10. Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đối với chất thải

a) Đẩy mạnh áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu; xây dựng tài liệu, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn đối với chất thải, cụ thể chất thải trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, điện tử, hóa chất, nhiệt điện, nhựa, giấy, vật liệu xây dựng và chất thải của các ngành kinh tế khác;

b) Đẩy mạnh kết nối cung cầu, phát triển thị trường về sản phẩm và công nghệ môi trường, sản phẩm và công nghệ tái chế và công nghệ các bon thấp;

c) Từng bước xây dựng và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực tiêu dùng, khuyến khích chuyển đổi từ việc tiêu dùng và sở hữu hàng hóa sang tiêu dùng và sử dụng dịch vụ trong cuộc sống.

11. Đẩy mạnh truyền thông về sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Xây dựng cẩm nang hướng dẫn, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức và thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng tại các cấp trung ương và địa phương.

12. Xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Phát triển hệ thống, trung tâm cơ sở dữ liệu thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững, xây dựng nền tảng trực tuyến kết nối mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững Việt Nam với khu vực và thế giới;

b) Xây dựng nền tảng kết nối, đẩy mạnh ứng dụng giải pháp công nghệ hiện đại, công nghệ số, thương mại điện tử để phổ biến, kết nối cung cầu công nghệ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường; phát triển chuỗi cung ứng bền vững; xây dựng, triển khai ứng dụng hệ thống về truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong quản lý nguồn thải và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý rác thải; phát triển rô bốt và sử dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ thiết kế hiện đại giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và tài nguyên; ứng dụng hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã số, mã vạch truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin đến người tiêu dùng;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn đối với năng lượng, nguyên liệu và chất thải trong khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

13. Phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Xây dựng và thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, kinh tế tuần hoàn giai đoạn 2022 - 2030; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững;

b) Tổ chức kết nối, tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

14. Thúc đẩy tiếp cận và hỗ trợ tài chính xanh

a) Xây dựng, hoàn thiện các chính sách công cụ tài chính xanh nhằm thúc đẩy áp dụng các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm tái chế;

b) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn, nâng cao năng lực về tài chính xanh thúc đẩy thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức liên quan tiếp cận về tài chính xanh;

c) Xây dựng mạng lưới kết nối hợp tác trong nước và quốc tế về tài chính xanh thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, kinh tế tuần hoàn.

15. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Xây dựng nền tảng kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững trong nước và quốc tế; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, tổ chức và tham gia các mạng lưới, diễn đàn, hội nghị về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong khu vực và quốc tế;

b) Xây dựng chương trình kết nối hợp tác bền vững giữa doanh nghiệp, tổ chức trong nước với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững phù hợp quy định, cam kết hội nhập quốc tế.

III. Phân công nhiệm vụ thực hiện

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

IV. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, cụ thể:

1. Kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương theo sự hướng dẫn của Bộ Công Thương.

2. Ngân sách địa phương: Hàng năm cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định.

3. Kinh phí viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Các cơ sở sản xuất công nghiệp có trách nhiệm đầu tư kinh phí triển khai áp dụng SX&TDBV tại đơn vị mình.

V. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về truyền thông nâng cao nhận thức

a) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về SX&TDBV trong công nghiệp với các cấp, các ngành và các cơ sở công nghiệp; Đa dạng hóa hình thức thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về lợi ích áp dụng SX&TDBV trong công nghiệp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; in ấn, biên tập, biên dịch, phát hành tài liệu, sổ tay, tờ rơi, panô, áp phích;

b) Phổ biến các cơ sở dữ liệu, thông tin điện tử về áp dụng SX&TDBV trong công nghiệp;

c) Xây dựng và tổ chức hội nghị, hội thảo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến nhân rộng các mô hình áp dụng SX&TDBV trong công nghiệp

2. Giải pháp về đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực về SX&TDBV

a) Tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu nâng cao năng lực quản lý, nhận thức và năng lực áp dụng cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, chuyên

gia tư vấn đảm bảo đủ năng lực tư vấn, hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện SX&TDBV;

b) Tổ chức các đoàn cán bộ quản lý, kỹ thuật, chuyên viên tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về áp dụng SX&TDBV trong công nghiệp;

c) Cử cán bộ tư vấn về SX&TDBV tham gia các lớp tập huấn đào tạo do Bộ Công Thương tổ chức.

3. Giải pháp về tổ chức quản lý và cơ chế chính sách

a) Rà soát lại cơ chế, chính sách đã ban hành để bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện cho phù hợp yêu cầu hiện nay, cải cách thủ tục hành chính,...;

b) Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các cấp tăng cường hướng dẫn, kiểm tra giám sát, tạo mọi điều kiện để các cơ sở có điều kiện áp dụng SX&TDBV;

c) Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước đến người dân, doanh nghiệp. Vận động các doanh nghiệp tham gia đầu tư áp dụng SX&TDBV;

d) Nâng cao năng lực cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho tổ tư vấn áp dụng SX&TDBV để có đủ điều kiện hướng dẫn cho các doanh nghiệp.

4. Giải pháp về huy động các nguồn tài chính

a) Chủ động huy động, tranh thủ hỗ trợ nguồn kinh phí của Trung ương hàng năm, nguồn tài trợ của các chương trình do các tổ chức Quốc tế nhằm huy động các nguồn lực và nguồn vốn tài trợ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Cân đối, bố trí ngân sách địa phương hàng năm theo quy định;

c) Vận động các cơ sở, doanh nghiệp tích cực đóng góp kinh phí thực hiện.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ

a) Khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường đẩy mạnh thực hiện chương trình SX&TDBV trong công nghiệp;

b) Tăng cường hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Đối với các cơ sở mới thành lập phải thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động môi trường và xử lý chất thải, đối với các cơ sở đang hoạt động phải tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời các doanh nghiệp sai phạm, đồng thời yêu cầu các cơ sở có phương án, tiến độ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

6. Giải pháp về công tác thi đua khen thưởng

Sở Công Thương kịp thời đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh khen thưởng kịp thời các cá nhân, đơn vị có thành tích trong hoạt động áp dụng SX&TDBV nhằm khuyến khích thi đua áp dụng SX&TDBV, góp phần thực hiện mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện; hàng năm đề xuất nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Công Thương, Sở Tài chính để tổng hợp, trình UBND tỉnh.

b) Thực hiện chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành mình quản lý.

c) Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công gửi về Sở Công Thương **trước ngày 01/12 hàng năm** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho các đơn vị để thực hiện kế hoạch theo quy định.

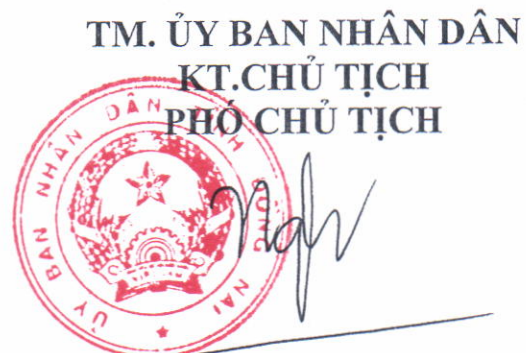
3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp đề xuất thực hiện nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định.

4. Các Đoàn thể, Cơ quan Báo - Đài, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động đề xuất, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về SX&TDBV, hỗ trợ và tham gia thực hiện các hành động về SX&TDBV phù hợp với chức năng và nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch hành động SX&TDBV trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2030, yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và TP. Long Khánh, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh./

Nơi nhận:

- Như tổ chức thực hiện;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



Nguyễn Thị Hoàng



Phụ lục
Mục các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hành động về sản xuất và tiêu dùng bền vững
trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Nguồn lực thực hiện
I	Hoàn thiện chính sách pháp luật thúc đẩy SX&TDBV						
1	Phối hợp với các Bộ, ngành trung ương trong việc xây dựng cơ chế, chính sách về SX&TDBV	Ban hành các quy định, quy chế nhằm thúc đẩy việc áp dụng SX&TDBV trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả	Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP		2022-2030	Ngân sách tỉnh và TW
2	Tham mưu ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh để thực hiện SX&TDBV		Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP		2022-2030	Ngân sách tỉnh
II	Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình, liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm						
1	Xây dựng, áp dụng 01 đến 10 mô hình SX&TDBV của doanh nghiệp	Phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình sản xuất, tiêu dùng bền vững	Sở Công Thương	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, BQL các KCN, UBND các huyện, TP và doanh nghiệp		2022-2025	Ngân sách tỉnh, doanh nghiệp
2	Xây dựng, áp dụng 01 đến 10 mô hình SX&TDBV của doanh nghiệp		Sở Công Thương			2026-2030	Ngân sách tỉnh, doanh nghiệp

3	Tổ chức học tập kinh nghiệm về triển khai thực hiện Chương trình tại một số tỉnh, thành phố trong nước		Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP		2022-2030	Ngân sách tỉnh, doanh nghiệp
III	Phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuất nhập khẩu bền vững						
1	Tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ truyền thống hạn chế sử dụng túi nilon khó phân hủy và thực hiện kế hoạch chống rác thải nhựa trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và phân phối tiêu dùng	Phấn đấu đến năm 2025: sử dụng 100% túi nilon dễ phân hủy, bao bì thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi nilon khó phân hủy	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các huyện, TP, các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi		2022-2025	Ngân sách tỉnh
2	Kiểm tra, nắm bắt công tác chống rác thải nhựa tại các cơ sở sản xuất công nghiệp và phân phối tiêu dùng (các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ dân sinh)		Sở Tài nguyên và Môi trường				Ngân sách tỉnh
3	Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động xuất nhập khẩu bền vững; cung cấp thông tin về thị trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái,	Thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm thân thiện môi trường	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Tổng cục Hải quan, Sở Tài nguyên và Môi trường,		2022-2030	Ngân sách tỉnh và xã hội hóa

	thân thiện môi trường; tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp các tài liệu hướng dẫn cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững		UBND các huyện, TP và đơn vị liên quan				
4	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, các mô hình, thực hành tốt về SX&TDBV đối với các doanh nghiệp trong các KCN, CCN	70 % vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 các KCN, CCN được phổ biến nâng cao nhận thức về SX&TDBV	BQL các KCN/ Sở Công Thương	Sở Công Thương/BQL các KCN		2022-2030	Ngân sách tỉnh
IV	Thúc đẩy dân nhân và chứng nhận nhân sinh thái						
1	Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương triển khai cung cấp, phổ biến thông tin, nâng cao năng lực về nhân sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng	Nâng cao hiểu biết về nhân sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các huyện, TP, các doanh nghiệp		2022-2030	Ngân sách tỉnh
2	Vận động, hướng dẫn các cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống, mua sắm đạt chuẩn phục vụ du lịch bền vững, nhân du lịch bền vững, nhân xanh	Nâng cao hiểu biết của các doanh nghiệp du lịch về nhân sinh thái; đáp ứng các quy định, yêu cầu quốc tế về nhân sinh thái đối với các loại hình, sản phẩm du lịch bền vững	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, TP, các cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống, mua sắm đạt chuẩn phục vụ khách du lịch		2022-2030	Ngân sách tỉnh và doanh nghiệp
V	Đẩy mạnh phát triển thị trường bền vững, cung cấp thông tin cho người tiêu dùng						

1	Tuyên truyền nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng	Cung cấp các thông tin về sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, góp phần thúc đẩy tiêu dùng bền vững	Đài PT-TH Đồng Nai, Báo Đồng Nai	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, TP		2022-2030	Ngân sách tỉnh
2	Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường trong các hội chợ đa ngành và chuyên ngành		Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Tài Nguyên và Môi trường, Tài chính và các đơn vị liên quan		2022-2030	Ngân sách tỉnh và xã hội hóa
VI	Đẩy mạnh mua sắm bền vững						
1	Xây dựng và tham mưu cho UBND tỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm ưu tiên các chương trình, dự án phục vụ mua sắm công xanh, hướng đến phát triển bền vững	Đẩy mạnh áp dụng thực hành mua sắm bền vững, hình thành thói quen, tiêu dùng bền vững; tạo động lực thúc đẩy sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, TP		Hàng năm	
2	Thu hút các dự án sản xuất năng lượng tái tạo, dự án xử lý tro, xỉ nhà máy nhiệt điện		Sở Kế hoạch và Đầu tư/BQL các KCN			2022-2030	
3	Triển khai các đề án hỗ trợ nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, giảm thiểu, tái chế và sử dụng		Sở Khoa học và Công nghệ			2022-2030	Ngân sách tỉnh, doanh nghiệp

	chất thải						
4	Ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, công nghệ thân thiện môi trường và loại bỏ các công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường		Sở Khoa học và Công nghệ			2022-2030	Ngân sách tỉnh, doanh nghiệp
XII	Nâng cao năng lực, tăng cường giáo dục và thực hành lối sống bền vững						
1	Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh du lịch các chính sách, tiêu chuẩn về du lịch bền vững; tổ chức triển khai các mô hình du lịch bền vững, du lịch sinh thái gắn với giới thiệu sản phẩm truyền thống, thân thiện môi trường (sau khi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện bộ tài liệu hướng dẫn du lịch bền vững)	Thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững; khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp dự lịch thực hiện sản xuất kinh doanh và tiêu dùng bền vững	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, TP và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh		2022-2030	Ngân sách tỉnh
2	Thông tin, vận động doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo trực tuyến trong nước và quốc tế về SX&TDBV; các khóa đào tạo về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn,	Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng về SX&TDBV	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành và doanh nghiệp		2022-2030	

	nhân sinh thái và thiết kế bền vững, về tiếp cận và phát triển thị trường bền vững do Bộ Công Thương tổ chức								
3	Tuyên truyền đến các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng và lồng ghép các nội dung về SX&TDBV trong nội dung chương trình sinh hoạt đầu khóa cho học sinh, sinh viên	Thúc đẩy thực hành lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo/ Sở Lao động – Thương binh và xã hội	Các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm				
XIII	Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đối với chất thải								
1	Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030	Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn góp phần sử dụng hiệu quả năng lượng, nguyên nhiên vật liệu và bảo vệ môi trường	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP và các đơn vị hoạt động điện lực, doanh nghiệp	Hàng năm				Ngân sách tỉnh
2	Tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về thu gom, giảm thiểu và tái sử dụng chất thải trên địa bàn tỉnh		Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP và doanh nghiệp	2022-2030				Ngân sách tỉnh
IX	Đẩy mạnh truyền thông về sản xuất và tiêu dùng bền vững								
1	Xây dựng tài liệu, tổ chức truyền truyền, phổ biến chính sách pháp	Nâng cao nhận thức của công đồng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP	2022-2030				Ngân sách tỉnh

	luật, các mô hình, thực hành tốt về SX&TDBV tại địa phương	về SX&TDBV		và doanh nghiệp			
2	Xuất bản, in ấn tài liệu, sổ tay, cẩm nang tuyên truyền, phở biển chính sách, pháp luật, kiến thức và thông tin về SX&TDBV		Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP và doanh nghiệp		2022-2030	Ngân sách tỉnh
X	Xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững						
1	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về mạng lưới SX&TDBV	Hình thành và phát triển cơ sở dữ liệu thông tin hiện đại đáp ứng yêu cầu về quản lý, thực hành về SX&TDBV	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp		2025-2030	Ngân sách tỉnh
XI	Phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững						
1	Lồng ghép nhiệm vụ khoa học công nghệ thúc đẩy SX&TDBV trong việc thực hiện các chương trình KH&CN trọng điểm của tỉnh gồm: chương trình đổi mới công nghệ, chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng điểm, chủ lực, chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và áp dụng KH&CN hiện đại theo hướng kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, các doanh nghiệp		2022-2030	Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
XII	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững						

1	<p>Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các đoàn công tác tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về SX&TDBV trong khu vực và quốc tế</p> <p>Hỗ trợ kết nối các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình kết nối hợp tác bền vững giữa doanh nghiệp, tổ chức trong nước với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực SX&TDBV phù hợp quy định, cam kết hội nhập quốc tế</p>	<p>Nâng cao năng lực quản lý về SX&TDBV</p>	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan		2022-2030	Ngân sách tỉnh và xã hội hóa
2		<p>Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước trao đổi, hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực SX&TDBV</p>	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan		2022-2030	Ngân sách tỉnh và xã hội hóa